

Số: 36/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV

Hà Nội, ngày 16 tháng 09 năm 2015

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**QUY ĐỊNH MÃ SỐ VÀ TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
CHUYÊN NGÀNH KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG**

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 quy định về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động,

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

Điều 2. Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Kiểm định viên chính kỹ thuật an toàn lao động (hạng II), mã số: V.09.03.01.
2. Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (hạng III), mã số: V.09.03.02.
3. Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (hạng IV), mã số: V.09.03.03.

Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

Khách quan, thận trọng, nghiêm túc, có tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao; tích cực tham gia nghiên cứu khoa học để phát triển nghề nghiệp; tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của viên chức theo quy định tại Luật Viên chức và các quy định khác của pháp luật liên quan đến lĩnh vực kiểm định kỹ thuật an toàn lao động trong quá trình thực hiện nghiệp vụ.

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Kiểm định viên chính kỹ thuật an toàn lao động (hạng II) - Mã số: V.09.03.01

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì tổng kết, đánh giá, đúc rút kinh nghiệm về công tác kiểm định kỹ thuật an toàn thuộc phần việc được giao. Đề xuất những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung trong quy trình kiểm định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn nhằm hoàn thiện các quy định của Nhà nước;

b) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn nội dung, chương trình, tài liệu để huấn luyện cho người quản lý về các nguyên tắc quản lý kỹ thuật và quản lý vận hành, quy trình vận hành và quy định xử lý sự cố kỹ thuật và các biện pháp phòng ngừa sự cố cho các đối tượng kiểm định theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn hiện hành; tham gia biên soạn chương trình, tài liệu và đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động khi được phân công;

c) Chủ trì hoặc tham gia các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về lĩnh vực kiểm định kỹ thuật an toàn thuộc lĩnh vực được phân công;

d) Thực hiện nhiệm vụ giám định nguyên nhân sự cố, tai nạn lao động do các đối tượng kiểm định gây ra khi có yêu cầu;

đ) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo thẩm quyền được giao;

e) Tổ chức và trực tiếp thực hiện việc kiểm định kỹ thuật an toàn đối với các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả kiểm định. Đánh giá quá trình thực hiện kiểm định, đề xuất các biện pháp đảm bảo an toàn để ngăn ngừa sự cố và tai nạn lao động do các đối tượng kiểm định gây ra;

g) Tham gia xây dựng, biên soạn, góp ý các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn theo yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền, xây dựng các phương án, biện pháp kỹ thuật an toàn lao động, vệ sinh lao động khi có yêu cầu.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với phạm vi thực hiện kiểm định;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT- BGDDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp Kiểm định viên chính kỹ thuật an toàn lao động (hạng II).

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Có năng lực chủ trì tổ chức, triển khai các hoạt động nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện các hoạt động thuộc lĩnh vực kiểm định;

b) Có năng lực tổ chức phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;

c) Có khả năng hướng dẫn nghiệp vụ về lĩnh vực kiểm định kỹ thuật an toàn lao động phù hợp với chuyên ngành được đào tạo;

d) Đã chủ trì 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh ở mức đạt trở lên liên quan đến lĩnh vực kiểm định kỹ thuật an toàn lao động hoặc tham gia ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên liên quan đến lĩnh vực kiểm định.

4. Việc thăng hạng chức danh Kiểm định viên chính kỹ thuật an toàn lao động (hạng II).

Viên chức thăng hạng từ chức danh Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (hạng III) lên chức danh Kiểm định viên chính kỹ thuật an toàn lao động (hạng II) phải đáp ứng đầy đủ các

quy định tại các khoản 2, 3 Điều này và có thời gian giữ chức danh Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 (chín) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (hạng III) tối thiểu là 02 (hai) năm.

Điều 5. Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (hạng III) – Mã số: V.09.03.02

1. Nhiệm vụ:

a) Xây dựng hoặc tham gia xây dựng kế hoạch kiểm định cho đối tượng kiểm định cụ thể, đúng chuyên ngành theo sự phân công;

b) Trực tiếp thực hiện việc kiểm định các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động và chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả kiểm định; tư vấn kỹ thuật an toàn cho các cơ sở sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong phạm vi được phân công;

c) Tham gia các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực kiểm định kỹ thuật an toàn được phân công;

d) Tham gia biên soạn giáo trình và tổ chức huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động, huấn luyện cho cán bộ quản lý và công nhân vận hành các đối tượng có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phù hợp với phạm vi kiểm định được phân công;

đ) Tham gia biên soạn chương trình, tài liệu và đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động khi được phân công.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với phạm vi thực hiện kiểm định;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT- BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động;

đ) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (hạng III).

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Có khả năng làm việc độc lập và thực hiện các nghiệp vụ về công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động trong phạm vi được phân công phù hợp với chuyên ngành đào tạo;

b) Có khả năng nắm bắt và áp dụng các phương pháp, công nghệ tiên tiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao về công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động phù hợp với chuyên ngành được đào tạo;

c) Có khả năng chủ trì phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao về công tác kiểm định kỹ thuật an toàn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo;

d) Có khả năng hướng dẫn nghiệp vụ, phổ biến kinh nghiệm và tham gia nghiên cứu khoa học phục vụ công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;

đ) Nhận biết được các nguy cơ sự cố và thiết lập biện pháp phòng ngừa sự cố trong khi thực hiện nhiệm vụ kiểm định.

4. Việc thăng hạng chức danh Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (hạng III).

Viên chức thăng hạng từ chức danh Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (hạng IV) lên chức danh Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (hạng III) phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại các khoản 2, 3 Điều này và có thời gian giữ chức danh Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (hạng IV), như sau:

a) Tối thiểu là 02 (hai) năm đối với trường hợp tuyển dụng lần đầu vào chức danh Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (hạng IV) có trình độ tốt nghiệp cao đẳng;

b) Tối thiểu là 03 (ba) năm đối với trường hợp tuyển dụng lần đầu vào chức danh Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (hạng IV) có trình độ tốt nghiệp trung cấp.

Điều 6. Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (hạng IV) – Mã số: V.09.03.03

1. Nhiệm vụ:

a) Thực hiện một số công việc cụ thể trong quy trình kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động dưới sự chỉ đạo, giám sát của kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (hạng III);

b) Đề xuất các biện pháp để nâng cao chất lượng công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;

c) Phát hiện kịp thời các hư hỏng của thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác kiểm định, đề xuất biện pháp khắc phục để đảm bảo chất lượng kiểm định;

d) Chịu trách nhiệm trực tiếp về kết luận của mình tại các bước kiểm định cụ thể theo sự phân công.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp Trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT- BGDDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (hạng IV).

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Có khả năng độc lập, chủ động và khả năng làm việc theo nhóm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;

b) Sử dụng thành thạo các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; nắm vững nguyên lý, cấu tạo của các thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác kiểm định; nắm vững quy trình kiểm định và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn liên quan đến đối tượng kiểm định được phân công; nắm vững các quy định về an toàn trong sử dụng điện, cơ khí, thiết bị chịu áp lực và các quy định về phòng chống cháy nổ.

Chương III

BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

Điều 7. Nguyên tắc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp

1. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách, chuyên môn nghiệp vụ đang đảm nhận của viên chức và theo quy định tại Điều 8 của Thông tư liên tịch này.

2. Khi bổ nhiệm từ ngạch viên chức hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điều 8. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp Kiểm định viên chính kỹ thuật an toàn lao động (hạng II, mã số: V.09.03.01) đối với viên chức hiện đang giữ ngạch kiểm định viên chính kỹ thuật an toàn lao động, mã số ngạch 24.275.

2. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (hạng III, mã số: V.09.03.02) đối với viên chức hiện đang giữ ngạch kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động, mã số ngạch 24.276.

3. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (hạng IV, mã số: V.09.03.03) đối với viên chức hiện đang giữ ngạch kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, mã số ngạch 24.277.

Điều 9. Cách xếp lương

1. Các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được áp dụng bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp Kiểm định viên chính kỹ thuật an toàn lao động (hạng II) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2 nhóm 1 (từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78);

b) Chức danh nghề nghiệp Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (hạng III) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 (từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98);

c) Chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (hạng IV) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại B (từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06).

2. Xếp lương khi hết thời gian tập sự và được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp:

a) Trường hợp có trình độ tiến sĩ thì được xếp bậc 3, hệ số lương 3,00 của chức danh nghề nghiệp Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (hạng III), mã số: V.09.03.02;

b) Trường hợp có trình độ thạc sĩ thì được xếp bậc 2, hệ số lương 2,67 của chức danh nghề nghiệp Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (hạng III), mã số: V.09.03.02;

c) Trường hợp có trình độ cao đẳng thì được xếp bậc 2, hệ số lương 2,06 của chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (hạng IV), mã số: V.09.03.03.

3. Việc bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức quy định tại Điều 8 và khoản 1 Điều này đối với viên chức đã được xếp lương vào các ngạch viên chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định tại Thông tư số 05/2009/TT-BNV ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Bộ Nội vụ ban hành chức danh, mã số ngạch viên chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định

số 204/2004/NĐ-CP) và Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ được thực hiện như sau:

a) Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động có hệ số, bậc lương bằng ở ngạch cũ thì thực hiện xếp ngang bậc lương và % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ (kể cả tính thời gian xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có ở ngạch cũ) vào chức danh nghề nghiệp mới được bổ nhiệm.

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A đã xếp ngạch Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (mã số 24.277) bậc 4, hệ số lương 2,46 kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2013. Nay ông A đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động hạng IV (mã số V.09.03.03) thì xếp bậc 4, hệ số lương 2,46 của chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (hạng IV) kể từ ngày ký quyết định; thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2013.

b) Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động có hệ số, bậc lương thấp hơn ở ngạch cũ thì việc xếp lương vào bậc trong chức danh nghề nghiệp viên chức được căn cứ vào thời gian có đóng bảo hiểm xã hội theo thang, bảng lương do Nhà nước quy định (trừ thời gian tập sự) để xếp vào bậc lương trong chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm như sau:

Tính từ bậc 1 của chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm, cứ sau thời gian 03 năm (đủ 36 tháng) đối với chức danh Kiểm định viên chính kỹ thuật an toàn lao động (hạng II) và Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (hạng III) và cứ sau thời gian 02 năm (đủ 24 tháng) đối với chức danh Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (hạng IV) (nếu có thời gian đứt quãng mà chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì được cộng dồn) được xếp lên 01 bậc lương của chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm. Trường hợp trong thời gian công tác có năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc bị kỷ luật thì bị kéo dài thêm theo chế độ nâng bậc lương thường xuyên của chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm.

Sau khi chuyển xếp lương vào chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm theo quy định này, nếu hệ số lương được xếp ở chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm cộng với phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) thấp hơn so với hệ số lương đã hưởng ở ngạch cũ thì được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ. Hệ số chênh lệch bảo lưu được hưởng trong suốt thời gian viên chức xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới. Sau đó, nếu viên chức tiếp tục được thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được cộng hệ số chênh lệch bảo lưu này vào hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng để xếp lương vào chức danh được bổ nhiệm khi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày được hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới.

Ví dụ: Bà Trần Thị B được tuyển dụng vào làm việc tại Trung tâm C và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến nay, đã được xếp ngạch Kiểm định viên

kỹ thuật an toàn lao động (mã số 24.276) bậc 3, hệ số lương 3,00 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, trong thời gian công tác luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, không bị kỷ luật. Nay bà B đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động hạng IV (mã số V.09.03.03) thì việc xếp lương được thực hiện như sau:

Thời gian công tác của bà Trần Thị B từ ngày 01 tháng 01 năm 2008, trừ thời gian tập sự 06 tháng và cứ 02 năm xếp lên 1 bậc thì đến ngày 01 tháng 7 năm 2014 được xếp vào bậc 4, hệ số lương 2,46 của chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động hạng IV (mã số V.09.03.03); thời gian hưởng bậc lương mới ở chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động kể từ ngày ký quyết định; thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014; đồng thời hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu 0,54 (3,00-2,46).

Đến ngày 01 tháng 7 năm 2016 (sau đủ 02 năm), bà Trần Thị B đủ điều kiện nâng bậc lương thường xuyên lên bậc 5, hệ số lương 2,66 của chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và tiếp tục được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu 0,54 (tổng hệ số lương được hưởng là 3,20).

4. Việc thăng hạng viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được thực hiện sau khi đã được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động theo quy định tại Thông tư liên tịch này và thực hiện xếp lương theo hướng dẫn tại khoản 2, Mục II, Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2015.

2. Bãi bỏ Thông tư số 05/2009/TT-BNV ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Bộ Nội vụ ban hành chức danh và mã số ngạch viên chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và Thông tư số 18/2009/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 6 năm 2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

Viên chức đã được bổ nhiệm vào các ngạch viên chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định tại Thông tư số 05/2009/TT-BNV ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Bộ Nội vụ ban hành chức danh và mã số ngạch viên chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và Thông tư số 18/2009/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 6 năm 2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, nay

được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động quy định tại Thông tư liên tịch này thì cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm tạo điều kiện để viên chức bổ sung những tiêu chuẩn còn thiếu của chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ quy định tại Thông tư liên tịch này để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

2. Các cơ sở, tổ chức, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập được vận dụng các quy định này để tuyển dụng, sử dụng và quản lý nhân sự.

3. Người đứng đầu các đơn vị kiểm định kỹ thuật an toàn lao động công lập trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm:

a) Rà soát vị trí việc làm của đơn vị, lập phương án bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động tương ứng trong đơn vị kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền;

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động tương ứng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định bổ nhiệm sau khi phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động trong các đơn vị kiểm định kỹ thuật an toàn lao động công lập;

b) Phê duyệt phương án bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động trong các đơn vị kiểm định kỹ thuật an toàn lao động công lập thuộc phạm vi quản lý từ ngạch viên chức hiện giữ sang chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động tương ứng theo quy định tại Thông tư này; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương;

c) Quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc diện quản lý vào các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động tương ứng trong đơn vị kiểm định kỹ thuật an toàn lao động công lập theo thẩm quyền.

d) Báo cáo kết quả bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động trong các đơn vị kiểm định kỹ thuật an toàn lao động công lập thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch này, nếu có vướng mắc, đề nghị các cá nhân, tổ chức phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp và chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NỘI VỤ
THỨ TRƯỞNG**

Trần Anh Tuấn

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI
THỨ TRƯỞNG**

Doãn Mậu Diệp

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ LĐTBXH: Bộ trưởng, Thủ trưởng và các Vụ, Cục, tổ chức thuộc Bộ;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, Thủ trưởng và các Vụ, Cục, tổ chức thuộc Bộ;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Nội vụ các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Cổng thông tin điện tử của Bộ LĐTBXH, Bộ Nội vụ;
- Lưu: Bộ LĐTBXH (VT, Vụ TCCB, Cục ATLĐ), Bộ Nội vụ (VT, Vụ CCVC).